

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 7- 2020

V/v:Ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh

2. Bà Tô Thị Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2020/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1997

Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Th, xã P, thành phố T, tỉnh T.

Nơi cư trú: xóm 02, thôn P, xã P1, huyện B, Thành phố H.

2. Bị đơn: Anh **Phùng Hữu H**, sinh năm 1994

Nơi cư trú: thôn Th, xã P, thành phố T, tỉnh T.

(Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị và anh Phùng Hữu H tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P,

thành phố T vào ngày 19/7/2016. Khi đó 2 vợ chồng làm nghề tự do. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhà mẹ đẻ anh H tại thôn Th, xã P, thành phố T. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến ngày 01/11/2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn tới giữa vợ chồng xảy ra va chạm, xô xát, đánh chửi nhau. Gia đình cũng đã khuyên giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng hơn. Đến giữa năm 2017, anh H bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử và xử phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Sau khi anh H đi chấp hành án phạt tù, tháng 10/2017 chị đưa con về nhà mẹ đẻ ở xã P1, huyện B, Thành phố H sinh sống từ đó đến nay. Đến tháng 8/2019 anh H được đặc xá miễn hạn tù trở về địa phương, anh H lên tìm nhưng chị không về nên anh H đã đưa con về T, nhiều lần anh H yêu cầu và cả uy hiếp nhưng chị không chấp nhận về Thái Bình chung sống. Nay chị D xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng kéo dài, sống ly thân không còn tình cảm và không quan tâm đến nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có một con chung là Phùng Hữu Hải P2, sinh ngày 01/11/2016, hiện con đang ở cùng với anh H. Chị D có nguyện vọng được nuôi con, nhưng nếu anh H có nguyện vọng nuôi con chị cũng đồng ý để anh H nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con theo tự nguyện không đặt ra mức cụ thể. Hiện chị D làm nghề tự do, thu nhập bình quân khoảng 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Quá trình chung sống đến nay chị và anh H không có tài sản chung, không có vay nợ chung gì của ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản.

* Tại bản tự khai ngày 06/3/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phùng Hữu H trình bày: Về thời gian, địa điểm, thủ tục đăng ký kết hôn như chị D trình bày trên là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh ở thôn Th, xã P, thành phố T. Vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc cho đến khi anh phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, bắt ngày 28/8/2017 và bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 30 tháng tù, đến ngày 29/8/2019 anh chấp hành xong hình phạt tù. Sau khi anh bị bắt tạm giam, thời gian đầu khoảng 01 năm chị D có thăm nom, đến đầu năm 2019 chị D bỏ về nhà mẹ đẻ ở và từ đó đến nay vợ chồng anh sống ly thân, không hỏi han đến nhau nữa. Sau khi hết hạn tù trở về nhà, anh có đến tìm vợ con nhưng chị D không có nhà nên anh đón con về nhà từ tháng 9/2019 đến nay. Trong thời gian anh đang chấp hành án, chị D đã gửi đơn đến Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xin ly hôn, anh đã viết văn bản trình bày quan điểm không đồng ý ly hôn. Nhưng sau đó chị D không đến nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Nay chị D xin ly hôn, anh không đồng ý vì vợ chồng có mâu thuẫn cãi vã nhau chứ

không có việc xô xát như chị D trình bày, mặt khác giữa vợ chồng còn nhiều vấn đề bàn bạc với nhau, con còn nhỏ cần tình cảm và sự chăm sóc của cả bố mẹ.

Về con chung: Anh và chị D có một con chung là Phùng Hữu Hải P2, sinh ngày 01/11/2016 như chị D trình bày là đúng, hiện con chung đang ở cùng anh. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị D đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Còn việc quan tâm, chăm sóc nuôi dưỡng cho con thì tùy chị D. Hiện anh đang làm giám sát công trình cho Công ty xây dựng tại thành phố Thái Bình, thu nhập trung bình 15.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản: anh và chị D không có tài sản chung, không có nợ chung như chị D trình bày đúng. Nếu ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 3 năm 2020, bà Nguyễn Thị Thanh, sinh năm 1967, trú tại thôn P, xã P1, huyện B, Thành phố H (là mẹ đẻ chị D) trình bày: Chị Nguyễn Thị D (con gái bà) kết hôn với anh Phùng Hữu H vào ngày 19/7/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống cùng với gia đình chồng tại thôn Th, xã P, thành phố T, tỉnh T. Quá trình chung sống đến khoảng tháng 10/ 2017 chị D bế con về gia đình bà ở từ đó đến nay không về Thái Bình nữa. Nguyên nhân, Duyên cho rằng vợ chồng tính cách không hợp, thường xảy ra va chạm, đánh chửi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, từ tháng 8/2017 anh H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 30 tháng tù giam. Sau khi chấp hành án xong, ngày 01/9/2019, anh H có đến nhà bà mục đích muốn đón vợ con về, nhưng hôm đó D đi vắng nên H bế con về T. Sau đó khoảng một tuần H gọi điện hỏi xin số điện thoại của D, nhưng bà không có nên H đã có lời nói đe dọa. Ngày mùng 4 tết năm 2020, H đến nhà bà tìm D nhưng không có nhà nên H đã đe dọa, sợ gây hậu quả bà đã báo Công an để đưa H về T. Trước đây D và H tìm hiểu nhau trên facebook, khi cưới nhau về chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 10/2017 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay D có đơn xin ly hôn với anh H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: D và H có một con chung là Phùng Hữu Hải P2, sinh ngày 01/11/2016. Trước đây cháu P2 sống cùng mẹ ở gia đình bà, nhưng từ ngày 01/9/2019 anh H lên đưa cháu P2 về T nuôi. Nay nếu chị D, anh H ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ theo nguyện vọng của đôi bên và quy định pháp luật để giải quyết.

Về tài sản: Theo bà biết quá trình chung sống chị D, anh H không có tài sản chung, không có vay nợ chung gì của ai.

* Tại biên bản xác minh ngày 06 tháng 5 năm 2020, ông Bùi Văn Bình - Trưởng thôn Th, xã P, thành phố T cung cấp:

Chị Nguyễn Thị D và anh Phùng Hữu H kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn chị D, anh H chung sống cùng gia đình mẹ đẻ anh H tại thôn Th, xã P, thành phố T. Quá trình chung sống tại địa phương giữa

chị D và anh H có nảy sinh mâu thuẫn song cụ thể nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng địa phương không nắm được. Tuy có mâu thuẫn nhưng chưa lần nào địa phương phải can thiệp. Năm 2017 anh H bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình kết án phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Sau khi anh H đi chấp hành án thì chị D đưa con về nhà mẹ đẻ tại huyện B, Thành phố H ở, sau khi anh H chấp hành án xong về địa phương một thời gian, thì có lên nhà mẹ vợ tìm chị D và con về chung sống, nhưng chỉ thấy anh H đưa con về chứ không thấy chị D về. Từ khi chị D về nhà mẹ đẻ ở đến nay không thấy chị D quay về nhà chồng. Nay được biết chị D có đơn xin ly hôn anh H, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật giải quyết.

Về con chung: Chị D và H có một con chung là Phùng Hữu Hải P2, sinh ngày 01/11/2016. Hiện cháu P2 đang sống ổn định cùng anh H và bà nội tại thôn Th, xã P, thành phố T từ ngày 01/9/2019 anh H lên đưa cháu P2 về T nuôi. Nay nếu chị D, anh H ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ theo nguyện vọng của đôi bên và quy định pháp luật để giải quyết.

Về tài sản: Quá trình chung sống chị D, anh H có tài sản chung hay không hoặc có nợ chung hay có cho ai vay nợ gì hay không địa phương không biết và không thấy có ai đến đòi nợ.

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên:***

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Phùng Hữu H.

Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Giao con chung là Phùng Hữu Hải P2, sinh ngày 01/11/2016 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh H không yêu cầu chị D đóng góp nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng chị D, anh H không có tài sản chung, không vay nợ chung của ai tài sản gì, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 24, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016. Nguyên đơn chị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng nguyên đơn chị Nguyễn Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phùng Hữu H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Phùng Hữu H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Theo kết quả xác minh và lời khai các bên thể hiện, quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc sau khi kết hôn được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau mặt khác anh H phạm tội bị Tòa án kết án và phải đi chấp hành án dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, chị D đưa con về nhà mẹ đẻ ở. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2017 đến nay không quan tâm đến nhau nữa, anh H sau khi chấp hành án xong về địa phương có đi tìm chị D và con, nhưng chị D không chấp nhận về sống chung, anh H không đồng ý ly hôn lý do con còn nhỏ, vợ chồng còn nhiều vấn đề cần bàn bạc nhưng không nêu cụ thể và không có giải pháp cụ thể để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị D không chấp nhận về đoàn tụ mà cương quyết xin ly hôn. Như vậy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Phùng Hữu H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Phùng Hữu H là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị D và anh H có 01 con chung là Phùng Hữu Hải P2, sinh ngày 01/11/2016, hiện cháu Phong do anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, chị D cũng đồng ý. Vì vậy cần xử giao con chung là Phùng Hữu Hải P2 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu chị D đóng góp cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản: Chị D và anh H đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung nên không yêu giải quyết về tài sản.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, Điều 235; Điều 238; 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Phùng Hữu H.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Phùng Hữu Hải P2, sinh ngày 01/11/2016 cho anh Phùng Hữu H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: anh H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

2.3. Chị D và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về tài sản: không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình theo biên lai thu số 0009738 ngày 14/02/2020 thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D và bị đơn anh Phùng Hữu H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Phòng KTNV, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Hồng Sơn

(UBND xã P, thành phố T, tỉnh Thái
Bình).

- Lưu: Hồ sơ, VP.